

Số: 57 /2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 12 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1993

ĐKKH: Khu 6, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở: Số nhà 12, tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh **Đỗ M**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu 6, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở: Số nhà 12, tổ 5, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ M thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ M đều xác nhận vợ chồng có một con chung là Đỗ Hoàng L, sinh ngày 09/7/2018 và cháu đang sống cùng bố mẹ anh M tại khu 6 xã N từ cuối tháng 1/2022. Trước đó cháu sống tại nhà bố mẹ đẻ chị N tại N. Khi ly hôn hai bên thống nhất giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

- **Về tài sản chung, công nợ chung, công nợ chung: công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp:** Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ M đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Hoàng Thị N nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2020/0003347 ngày 15/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã N;
- Chi cục THA huyện Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Thanh

